

# VỀ NHỮNG NGƯỜI THAM GIA VÀ ĐÓNG GÓP VÀO VIỆC IN ẤN BỘ SÁCH *TÂN TUYÊN HẢI THUỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH TOÀN TRẬT*

NGUYỄN THỊ DƯƠNG\*

*Tóm tắt:* Gần một thế kỷ sau khi Hải Thượng tạ thế, ván in bộ y thư của Hải Thượng mới ra đời (với nhan đề mới là *Tân tuyên Hải Thượng Y tông tâm lĩnh toàn trật*). Nhờ sự khởi xướng, tổ chức của Vũ Xuân Hiên và nhà sư Thanh Cao, bộ sách của Hải Thượng đã được tập hợp, khắc in, phổ biến rộng rãi và lưu truyền tới ngày nay. Tuy nhiên bên cạnh Vũ Xuân Hiên và nhà sư Thanh Cao còn có sự tham gia, đóng góp của rất nhiều người khác. Danh tính của họ được ghi nhận ở một số quyển của *Tân tuyên Hải Thượng Y tông tâm lĩnh toàn trật* song các nghiên cứu xưa nay về bộ sách này dường như chưa từng đề cập. Họ là những ai và đóng góp như thế nào vào việc in ấn bộ sách của Hải Thượng? Bài viết nhằm làm rõ vấn đề này, qua đó cũng giúp hiểu thêm về sự ra đời bản khắc in bộ y thư đồ sộ nhất trong kho tàng thư tịch y được Hán Nôm Việt Nam.

*Từ khóa:* *Tân tuyên Hải Thượng Y tông tâm lĩnh toàn trật*, in ấn, tham gia, đóng góp

*Abstract:* Nearly a century after Hai Thuong's death, his medical texts has been preserved in printed form, with new title *Tân tuyên Hải Thượng Y tông tâm lĩnh toàn trật*. Thanks to Vũ Xuân Hiên and abbot Thích Thanh Cao, Hai Thuong's original texts was predominantly collected, engraved and printed, widely diffused, and passed down to this day. However, beside Vũ Xuân Hiên and abbot Thích Thanh Cao, there is also the participation and contribution of many other people. Their names are recorded in some of sections of *Tân tuyên Hải Thượng Y tông tâm lĩnh toàn trật* but received little attention of researchers. Who are they and how do they contribute to the publication of Hai Thuong's work? This article is intended to reponse to these questions. By so doing, we hope to gain a better understanding of the birth of printed version of Hai Thuong's work - the most massive medical book written in Hán Nôm of Vietnam.

*Key words:* *Tân tuyên Hải Thượng Y tông tâm lĩnh toàn trật*, printed, participation, contribution

**L**ãn Ông tâm lĩnh 懶翁心領 của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1724 - 1791) được biên soạn ở thế kỷ XVIII nhưng phải đợi tới hơn một thế kỷ sau, vào năm 1885, ván in bộ sách của Hải Thượng mới hoàn thành. Bộ sách được khắc in có nhan đề mới là *Tân tuyên Hải*

*Thuợng Y tông tâm lĩnh toàn trật* 新鐫海上醫宗心領全帙.

Nói tới sự ra đời của *Tân tuyên /thuyên<sup>1</sup> Hải Thượng Y tông tâm lĩnh toàn trật* (trở đi xin viết tắt là *THTYTTTLTT*), người ta hay nhắc tới Vũ Xuân Hiên và

\* TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

nhà sư Thích Thanh Cao bởi nhờ sự khởi xướng, tổ chức của họ, tác phẩm của Hải Thượng đã được tập hợp, khắc in, phổ biến rộng rãi và lưu truyền tới ngày nay. Tuy nhiên bên cạnh Vũ Xuân Hiên và nhà sư Thanh Cao còn có sự tham gia, đóng góp công sức cũng như đóng góp về tiền bạc của rất nhiều người khác. Trong lịch sử Việt Nam, trước và sau Hải Thượng, chưa từng có bộ y thư Hán Nôm nào thu hút sự tham gia của nhiều người thuộc nhiều tầng lớp xã hội đến thế, từ sưu tầm khảo đính bản thảo, tổ chức khắc in tới đóng góp công, của để bộ sách ra đời. Danh tính của họ được ghi nhận ở một số quyển của *TTHTYTTLTT* song hầu như đều bị lược bỏ trong các bản dịch bộ sách của Hải Thượng. Các nghiên cứu xưa nay về *TTHTYTTLTT* cũng chưa thấy bài viết, công trình nào đề cập tới tổng thể những người tham gia và đóng góp vào việc in ấn bộ sách. Họ là những ai và đóng góp cụ thể của họ như thế nào? Bài viết nhằm làm rõ vấn đề này, đồng thời qua đó cũng giúp hiểu thêm về sự ra đời bản khắc in bộ y thư đồ sộ nhất trong kho tàng thư tịch y dược Hán Nôm Việt Nam.

### 1. *Lăn Ông tâm lĩnh* 懶翁心領 và tâm nguyện của Hải Thượng

Nguyên cáo bộ sách của Hải Thượng vốn mang nhan đề *Lăn Ông tâm lĩnh*. Trong bài tựa do chính Hải Thượng viết cho bộ *Lăn Ông tâm lĩnh* (*Lăn Ông tâm lĩnh* tự tự 懶翁心領自序), Hải Thượng giải bày duyên do ông theo nghiệp y cũng như sự ra đời của bộ y thư. Xuất thân dòng dõi trâm anh khoa bảng, Hải Thượng vốn nuôi chí tang bồng nhưng do tình hình xã hội lúc bấy giờ (rối loạn do binh biến)

cũng như biến cố gia đình, việc mài gươm đọc sách của ông đành gác lại. Dầu vậy, chỉ sau khi bản thân bệnh nặng kéo dài, phải tới ở nhà thầy thuốc Trần Độc tại huyện Thanh Chương để chữa trị, Hải Thượng mới dần để tâm tới y thuật và ngày một hứng thú với nghề thuốc. Tìm đọc khắp các phương thư, đêm ngày mài song như lời ông viết: “Ở nơi xóm cùng hẻo lánh, trên thì không có thầy giỏi để thờ, dưới không có bạn tốt để giúp, tôi chỉ biết tự đặt câu hỏi rồi tự trả lời, ở nhà suy nghĩ tìm tòi”. Mùa thu năm 1756 lên kinh tìm thầy giỏi nhưng không có duyên gặp, Hải Thượng bèn trở lại Hương Sơn, tạ tuyệt giao du, đóng cửa đọc sách, dốc chí nghiên cứu y học.

Trong quá trình đọc sách, nhận thấy y thư như rừng mà môn loại tản mạn song lại có những chỗ chưa được bàn cặn kẽ, Hải Thượng cho rằng cần phải thâm thái, gom lọc kiến thức các nhà “y lý quá mêh mông, quyền bộ rườm rà, phân chia nhiều môn lảm mục, tản mạn vô cùng và những điều biện luận về bệnh tình, phương chỉ, phương dược của các hiền triết tiền bối còn có những chỗ chưa thấu đáo, tất nên dung hội trăm quyển chất lọc thành một quyển cho tiện xem xét... / 祇謂醫理浩瀚, 卷帙蝟冗, 分門布目散漫無窮及諸賢哲先輩所論病情, 方旨, 方藥多有未到底處, 必宜融會百卷湊一書以便觀看...” (*Lăn Ông tâm lĩnh* tự tự). Nhu cầu biên soạn sách nảy sinh trong quá trình tiếp xúc với y thư song sự cản trở khiến Hải Thượng vẫn băn khoăn chuyện trước thư lập ngôn bởi “nếu trong sách một khi có sai lầm thì tai hại còn hơn phương thuốc rất nhiều...”. Được người anh là Thạch Trai phân tích và khích lệ, ông dành thời gian soạn sách và

bộ *Lăn Ông tâm lĩnh* đã ra đời. Nguyên cáo bộ sách gồm 28 tập (66 quyển), đề cập đủ y lý, chẩn trị, phương dược như nói về âm dương, ngũ hành, mạch học có *Y gia quan miện* 醫家冠冕, về vận khí có *Vận khí bí điển* 運氣秘典, về thủy hỏa (*Huyền tần phát vi* 玄牝發微), khí huyết (*Khôn hóa thái chân* 坤化採真), nhi khoa (*Ấu ấu tu tri* 幼幼須知), phụ khoa, sản khoa (*Phụ đạo xán nhiên* 婦道燦然, *Tọa thảo lương mô* 坐草良模), tạp chứng (*Bách bệnh cơ yếu* 百病機要), dược phương (*Tâm đắc thần phương* 心得神方, *Hiệu phỏng tân phương* 倣倣新方, *Y phương hải hội* 醫方海會, *Bách gia trân tàng* 百家珍藏, *Hành giản trân nhu* 行簡珍需), dược vật (*Dược phẩm vừng yếu* 藥品彙要, *Lĩnh Nam bản thảo* 嶺南本草)... Đặc biệt, Hải Thượng còn ghi lại kinh nghiệm thực tế của mình khi chữa trị thành công những ca bệnh khó (tập *Y dương án* 醫陽案), cũng như các trường hợp tử vong (tập *Y âm án* 醫陰案). Những y án như vậy rất hiếm gặp trong y thư Hán Nôm của Việt Nam.

Có thể thấy, *Lăn Ông tâm lĩnh* chính là sự đúc rút tri thức của Hải Thượng từ sách vở cũng như từ thực tiễn chữa bệnh, là kết tinh trí tuệ đồng thời chứa đựng tâm huyết của Hải Thượng đối với việc chữa bệnh cứu người. Song không chỉ đúc rút tri thức cho riêng mình mà Hải Thượng còn muốn sẻ chia, thông qua sách ông biên soạn, dẫn dắt người đi sau “phương thư càng viết ra nhiều thì nghĩa lý càng rườm rà, làm cho người học khó hiểu ở lý luận, khó hiểu nghĩa ở ngoài lý luận nữa, mờ mịt như người vượt bể muốn hỏi bờ bên, tự mình nhầm lẫn, được cái này quên cái khác. Tôi chữa bệnh đã hai mươi năm nay, kinh

ngiệm đã nhiều, biết được những điều cốt yếu, muốn giúp người sau có đường tắt để đi, có nhà để vào... /第以先哲苦心教世恐人不明多立文詞分方辨症然方書愈出,義理愈繁學者既難按理又難於理外之意茫然如涉海問津,自取忘羊之惑余臨症二十年來閱驗已深粗知其要欲資後輩使之有徑可行有堂可升...” (Bài tựa tập *Y trung quan kiện*, tờ 1b).

Sau khi ra đời, một phần tác phẩm của Hải Thượng được lưu truyền trong dân gian song đều chỉ là những bản chép tay. Bản thân Hải Thượng cũng mong bộ sách được công bố rộng rãi nhưng chưa có cơ hội bởi lúc bấy giờ, để lưu hành rộng rãi một tác phẩm chỉ có thể nhờ vào phương thức in mộc bản (nhân bản nhanh chóng), mà việc khắc ván in một bộ sách nói chung đòi hỏi nhiều công sức cũng như kinh phí. Lời tâm sự của Hải Thượng trong *Thượng kinh ký sự* 上京記事 cho biết, sở dĩ Hải Thượng cuối cùng đồng ý lên kinh năm 1782 theo lời mời của chúa Trịnh sau những đắn đo cân nhắc, chính là do mong muốn tìm cơ hội in sách thôi thúc “...Ta lao tâm khổ tứ với y đạo đã ngoài ba mươi năm nay, đã soạn được một bộ “Tâm lĩnh”, không dám để truyền thụ riêng cho học trò mình, nên muốn truyền bá ra đời, nhưng công đầy sức mòng, khó lòng làm nổi, quỷ thần cũng đã thấu nổi, có lẽ ta đi phen này, may ra có cơ hội tốt cũng chưa biết chừng...”<sup>2</sup>. Dẫu vậy, chuyến lên kinh năm ấy không đem lại kết quả như Hải Thượng mong đợi. Gần một thế kỷ sau khi ông tạ thế, tâm nguyện của Hải Thượng mới được thực hiện khi bộ sách của ông được khắc in (với nhan đề mới là *THTYTTTLTT*).

## 2. Những người sưu tầm, khảo cứu bản thảo, tổ chức khắc in *THTYTTLT*

### 2.1. Nhóm sưu tầm, khảo cứu bản thảo tác phẩm của Hải Thượng

Người có công lớn đối với sự ra đời của bản in *THTYTTLT*, trước hết phải nói tới Vũ Xuân Hiên, một nhà Nho sống dưới triều Nguyễn (thế kỷ XIX). Nhờ ý tưởng sưu tầm bản thảo *Lãn Ông tâm lĩnh* để công bố mà phần lớn các quyền trong bộ sách của Hải Thượng đã được tập hợp sau một thế kỷ. Cơ duyên nào khiến Vũ Xuân Hiên cất công sưu tầm bản thảo tác phẩm của Hải Thượng? Bài tựa của Vũ Xuân Hiên viết năm Bính Dần đời vua Tự Đức (1866) cho biết như sau: hồi trẻ Vũ Xuân Hiên từng nghe nói tới tên bộ sách của Hải Thượng, tới năm 1855, qua một cụ lang già, lần đầu tiên ông mới được tiếp cận “một hai tập” của bộ sách. Ấn tượng về tập sách của Hải Thượng, Vũ Xuân Hiên muốn đọc tiếp song không biết tìm ở đâu. Đồng thời, qua câu chữ, Vũ Xuân Hiên dường như cảm nhận được tâm nguyện của Hải Thượng gửi gắm khi soạn sách, cùng với những kiến thức mà theo Vũ Xuân Hiên “là cái học mấu chốt, tiên sinh là một người duy nhất của nước Nam ta” (*Bài dẫn nói về việc kính cẩn tập hợp bộ Tâm lĩnh của Hải Thượng còn để lại/ 奉輯海上心領遺書原引*), nên ông bắt đầu để tâm tìm kiếm. Kết quả sau một khoảng thời gian khá dài với sự hỗ trợ của một số thầy thuốc, Vũ Xuân Hiên tìm được 15 tập. Tới năm 1864, người cháu năm đời của Hải Thượng mang tới 21 tập. Có trong tay các bản thảo tập hợp được, Vũ Xuân Hiên tiến hành “đối chiếu, đính chính, khảo cứu, biên chép lại thành sách”

(參訂攷究編寫成書) do bản thảo các quyền của bộ sách tản mát trong dân gian đều là những bản chép tay, người nọ truyền người kia nên không tránh khỏi những chỗ sai dị.

Như thế, không chỉ sưu tầm, Vũ Xuân Hiên còn “đối chiếu, đính chính, khảo cứu, biên chép lại thành sách” bản thảo tác phẩm của Hải Thượng, như lời ông viết trong bài *Dẫn*. Nếu tính từ thời điểm 1855 tới lúc Vũ Xuân Hiên đem bản thảo tới chỗ nhà sư Thanh Cao ở Bắc Ninh (khoảng năm 1867, khi bản thảo “mười phần đã được bảy, tám phần”) để nhờ nhà chùa giúp việc tổ chức khắc ván in thì Vũ Xuân Hiên đã tốn công sức hơn 10 năm. Nếu không có tấm lòng thiết tha với di sản tiền nhân hẳn không dễ có thể làm được. Bởi như chúng ta đều biết, khi Hải Thượng còn tại thế, (một phần) tác phẩm của ông đã lưu truyền trong dân gian nhưng trải qua thời gian dài cả 100 năm trong đó có quãng binh hỏa chiến tranh, tác phẩm của Hải Thượng không tránh khỏi ít nhiều thất tán. Khi khởi xướng sưu tầm bản thảo, qua các thầy thuốc, nhà Nho, trong vòng chục năm trời Vũ Xuân Hiên cũng chỉ thu thập được 15 tập (hơn nửa so với số tập của nguyên cáo). Ngay dòng họ của Hải Thượng cũng không giữ đủ bản thảo các quyền của *Lãn Ông tâm lĩnh* (thời điểm Vũ Xuân Hiên tập hợp bản thảo tác phẩm của Hải Thượng, dòng họ của Hải Thượng chỉ còn giữ 21 tập trong khi nguyên cáo bộ sách vốn gồm 28 tập). Và không chỉ trong dân gian, tác phẩm của Hải Thượng lưu giữ tại văn khố của triều đình cũng bị thất tán. Thư mục triều Nguyễn cho biết, văn khố

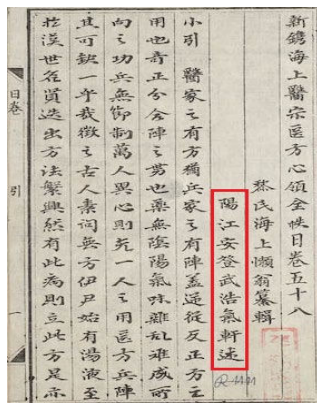
triều đình từng lưu giữ một bản chép tay bộ sách Hải Thượng do Tập hiền viện dâng nạp năm Tự Đức thứ 21 (1868) với 16 tập (không rõ có đủ 66 quyển?) nhưng sau thất lạc 6 tập, chỉ còn 10 tập, theo kết quả đợt kiểm kê của triều đình nhà Nguyễn năm 1901, 1902<sup>3</sup>. Đặt trong bối cảnh văn bản tác phẩm của Hải Thượng (cũng như các trước tác Hán Nôm nói chung) luôn có thể xảy ra nguy cơ thất tán do thời gian và nhiều yếu tố khác, chúng ta càng thấy rõ ý nghĩa việc làm mà Vũ Xuân Hiên khởi xướng.

Trong hầu hết các quyển của bản in *TTHTYTTLTT* mà chúng ta có trên tay ngày nay, tên Vũ Xuân Hiên được ghi một cách khiêm tốn sau tên của Hải Thượng “Hậu học Đường My Vũ Xuân Hiên phụng giáo / 後學唐郿武春軒奉較” (Kẻ hậu học là Vũ Xuân Hiên ở xã My (Thự) huyện Đường (An) kính cẩn đối chiếu, đính chính).

Ngoài Vũ Xuân Hiên, còn có hai nhân vật khác cũng được ghi danh trong bộ sách *TTHTYTTLTT* trong vai trò biên chép, khảo cứu. Người thứ nhất, một vị họ Vũ, cũng là người Hải Dương. Danh tính vị này xuất hiện một lần duy nhất ở quyển 58 (*Y phương hải hội*, Nhật quyển), cụ thể như sau: “Dương Giang An Đăng Vũ Hạo Khí Hiên thuật / 陽江安登武浩氣軒述” (có thể hiểu là: ông họ Vũ, tự (hoặc hiệu) là Hạo Khí, tên là Hiên ở xã (Phú) Đăng, huyện (Đường) An, phủ (Bình) Giang, tỉnh

(Hải) Dương chép). Vị họ Vũ này cũng tên Hiên 軒 (và có tên tự [hoặc tên hiệu] là Hạo Khí). Nếu chỉ nhìn vào tên thì vị họ Vũ này có thể chính là Vũ Xuân Hiên (ở đây được viết khác đi bằng cách thêm tên tự/hiệu), tuy nhiên thông tin về quê quán (xã Phú Đăng) thì lại không cho phép khẳng định vậy (bởi Vũ Xuân Hiên ở xã My Thự). Cũng cần nói thêm, ở quyển 58, tên Vũ Xuân Hiên không xuất hiện sau tên của Hải Thượng như ở các quyển khác, và vị trí tên của Vũ Xuân Hiên được thay thế bằng dòng thông tin về vị họ Vũ nêu trên. Vậy thì liệu Vũ Hạo Khí Hiên ở đây có phải chính là Vũ Xuân Hiên hay không (địa chỉ quê quán có chi tiết khác có thể là do lần này ông viết khác đi, như lấy tên xã của quê cha hay quê mẹ chẳng hạn)? Để trả lời được chính xác câu hỏi này, cần phải tìm hiểu kỹ thêm.

Còn có một nhân vật khác tham gia vào việc khảo cứu bản thảo tác phẩm của Hải Thượng, đó là Vũ Tam An/Yên, người xã (Thổ) Hoàng, huyện (Ân) Thi, tỉnh Hưng Yên (Hưng Yên Thi Hoàng Vũ Tam An/Yên phụng khảo/ 興安施黃武三安奉攷). Tên của Vũ Tam An/Yên chỉ xuất hiện một lần ở quyển 5 (*Y hải cầu nguyên*, Quý quyển), sau tên Hải Thượng Lãn Ông và tên Vũ Xuân Hiên (xin xem hình minh họa phía dưới).



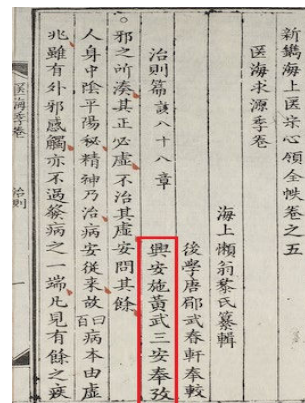
“陽江安登武浩氣軒述”

(Tên của Vũ Hạo Khí Hiên được ghi sau  
dòng tên của Hải Thượng trong quyển 58  
- *Y phương hải hội*, Nhật quyển, tờ 1a)

Như vậy, ngoài Vũ Xuân Hiên người xã Mỹ Thự, huyện Đường An, phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương (tức cùng phủ với quê cha của Hải Thượng Lãn Ông), là người sưu tầm, đối chiếu, đính chính, khảo cứu bản thảo, biên chép tác phẩm của Hải Thượng, còn có Vũ Hạo Khí Hiên và Vũ Tam An/Yên với vai trò biên chép và khảo cứu. Tiếc là hiện chưa có mấy thông tin về các nhân vật này. Theo giả thuyết chúng tôi đặt ra thì Vũ Hạo Khí Hiên có thể chính là Vũ Xuân Hiên. Còn sự hiện diện của Vũ Tam An/Yên ở quyển 5 có thể là do bản thảo quyển này nằm trong số 4 quyển được sưu tầm được sau này (nhà sư Thanh Cao nhờ các danh gia tìm kiếm khoảng năm 1877), nên khi ấy đã phải tranh thủ sự hỗ trợ thuận tiện nhất (cụ thể là của Vũ Tam An/Yên) để kịp cho việc san khắc. Dầu vậy, đây cũng chỉ là giả thuyết, cần tiếp tục tìm hiểu.

## 2.2. Nhóm tổ chức khắc in

Bộ sách *TTHTYTTLT* được khắc in, không thể không nhắc tới vai trò quan trọng của nhà sư Thích Thanh Cao. Do



“興安施黃武三安奉攷”

(Tên của Vũ Tam An/Yên được ghi sau  
dòng tên của Hải Thượng và Vũ Xuân Hiên  
trong quyển 5 - *Y hải cầu nguyên*,  
Quý quyển, tờ 1a)

tiểu sử hành trạng nhà sư Thanh Cao (? - 1896) đã được đề cập trong một số nghiên cứu<sup>4</sup> nên ở đây chỉ tập trung nói về đóng góp của nhà sư trong việc in ấn bộ y thư của Hải Thượng. Sư Thích Thanh Cao vốn họ Nguyễn, quê ở Thanh Lâm, Nam Sách, Hải Dương. Xuất thân dòng dõi trâm anh nhưng ông vẫn xuất gia thụ giới và trụ trì ở chùa Vũ (Linh Sơn tự, cũng gọi chùa Cao) thuộc xã Đại Tráng, huyện Võ Giàng. Cùng với chùa Linh Sơn, nhà sư trông coi cả chùa Đồng Nhân (cùng ở địa phận xã Đại Tráng) sau khi chùa này được dựng năm 1877. Khoa cúng tổ chùa Đại Tráng ghi nhận nhiều hoạt động tạo phúc của sư Thanh Cao như chẩn tế cho người bần khổ, thuốc thang cho người đau bệnh. Ông còn trùng san kinh điển nhà Phật để ấn tống. Cũng chính một phần bởi việc in ấn kinh Phật còn dang dở chưa xong cho nên khi Vũ Xuân Hiên mang tới bản thảo tác phẩm Hải Thượng với 51 quyển (khoảng năm 1867), sư Thanh Cao đã không thể tiến hành khắc in ngay. Dầu ông- cũng như Vũ Xuân Hiên, qua trước tác của Hải Thượng, cảm nhận được “Lãn

Ông thực sự là một vị danh y nước Việt Nam” và một thực tế về tình trạng văn bản tác phẩm của Hải Thượng “cuộc đời đổi thay dâu bể, sách đã bị tàn mạt rất nhiều. Nếu không đem khắc bản, sẽ tàn mất hết” song phải mười năm sau, tức năm Tự Đức thứ 30 (1877), việc khắc in mới được khởi động, như lời bài tựa sư Thanh Cao viết cho bản sách của Hải Thượng Lãn Ông mới khắc in (*Tân san Hải Thượng Lãn Ông tiểu dẫn*) cho biết. Với sự giúp đỡ của các danh gia, sư Thanh Cao tìm thêm được 4 quyển nữa nên số quyển trong bộ sách của Hải Thượng thu thập được tới lúc đó là 55 quyển. Năm Tự Đức thứ 31 (1878), nhân khi cụ Tán Cách họ Nguyễn (tức Nguyễn Cao) ghé thăm, sư bèn nhờ soạn giúp bài văn quyền tiền. Năm sau (1879), sư Thanh Cao “hợp mặt rộng rãi các bậc Nho y cùng bàn bạc khảo đính lại, rồi đưa vào khắc chữ, mong được phát hành ra công chúng. Tới nay, năm đầu niên hiệu Hàm Nghi (1885) vừa xong công việc, chút lòng tạm yên...” (*Tân san Hải Thượng Lãn Ông tiểu dẫn*). Như vậy, công việc khắc ván in bộ sách của Hải Thượng diễn ra khoảng từ năm 1879 tới năm 1885. Để có nguồn kinh phí chi trả cho việc san khắc bộ sách, nhà sư Thanh Cao đã nhờ Nguyễn Cao, là một người “bạn cũ” viết giúp bài văn quyền tiền. Không chỉ là một nhân vật đồ đạt, một vị quan địa phương (Tri huyện Yên Dũng, Tri phủ Lạng Giang...), Nguyễn Cao còn là một lãnh tụ nghĩa quân (khi Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ, ông đã kêu gọi, tập hợp nhân dân chống Pháp và đã nêu một tấm gương về tinh thần chống Pháp dũng cảm quên mình) nên được nhân dân quanh vùng hết sức nể trọng. Việc chấp

bút bởi một nhân vật có uy tín như Nguyễn Cao hẳn sẽ thu hút được sự hưởng ứng từ phía người dân. Song bên cạnh đó, không khó để nhận ra trong danh sách thập phương đóng góp tiền của để khắc in bộ sách của Hải Thượng, rất nhiều người là quan chức địa phương (Bắc Ninh) và các tỉnh lân cận. Có được điều này, có lẽ cũng nhờ vào danh tiếng của sư Thích Thanh Cao bởi chùa Đồng Nhân nơi nhà sư kiêm quản vốn là địa điểm mà quan chức, lý dịch tỉnh Bắc Ninh hay tới dâng hương vào các dịp tiết lễ<sup>5</sup>.

Có thể nói, nếu nhà nho Vũ Xuân Hiên đã có công sưu tầm, đính chính, khảo cứu phần lớn bản thảo các quyển trong bộ sách của Hải Thượng thì đóng góp của nhà sư Thanh Cao thể hiện ở khâu tổ chức khắc in, vận động quyền góp kinh phí. Công đoạn này cũng không kém phần quan trọng bởi quy mô bộ sách của Hải Thượng lớn, chi phí khắc in (mộc bản) hẳn phải tốn kém. Và không chỉ tổ chức, sư Thích Thanh Cao còn đích thân kiểm tra, đính chính bản khắc (hiệu khắc), như ghi nhận ở quyển 29 của bộ *THTYTLTT*.

\*Người “hội khắc”: Nguyễn Cao (1837 - 1887) là người được sư Thanh Cao gửi gắm viết bài văn quyền tiền để khắc in sách của Hải Thượng, Nguyễn Cao đồng thời cũng tham gia vào hợp bản việc san khắc ván in (“hội khắc” 會刻). Dòng thông tin về Nguyễn Cao ở quyển 29 của bộ *THTYTLTT* (*Ấu ấu tu tri* Kim quyền) ghi rõ ông người xã Cách Bi, huyện Quế Dương (Bắc Ninh), đỗ Giải nguyên<sup>6</sup> năm Đinh Mão (1867). Còn bài *Tự thuật* của chính Nguyễn Cao cho biết, sau khi thi đỗ ông đã không ra làm quan mà xin trở về

quê nhà dạy học. Gặp lúc các tỉnh Bắc Kỳ bị các toán thổ phi quấy nhiễu, quan tỉnh dâng sớ xin cho ông theo giúp việc quân. Do có công tích, Nguyễn Cao được trao chức Tri huyện huyện Yên Dũng. Nguyễn Cao cũng trải các chức khác như Tri phủ phủ Lạng Giang, sung Thương biện quân vụ tỉnh Bắc Ninh, Thương biện tỉnh vụ Nam Định, Bô chánh sứ Thái Nguyên... Khi quân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai (1882), Nguyễn Cao cùng với nghĩa quân, phối hợp quan quân của tỉnh chia giữ các địa hạt... Được kiêm sung chức Tấn tương (quân vụ), ông lại đem những tay dũng mãnh trong nghĩa quân đi chặn giữ một dải ven sông. Năm 1885, ông được thực thụ Bô chánh sứ, sung Bắc Kỳ Tấn lý quân vụ<sup>7</sup> (Tán tương quân vụ và Tấn lý quân vụ đều là danh xưng các chức thuộc hàng tướng quan [như Tấn lý, Thương biện, Tấn tương, Đề đốc, Lãnh binh...]). Bởi vậy, người đương thời thường gọi Nguyễn Cao một cách kính trọng là ông Tấn Cách (Bi). Câu hỏi đặt ra ở đây là Nguyễn Cao tham gia họp bàn việc san khắc *TTHTYTLTT* lúc nào? Lời bài *Tựa* của sư Thích Thanh Cao cho biết, vào năm Tự Đức thứ 31 (1878), nhân việc công vừa rảnh, Nguyễn Cao đã “qua chơi tìm thăm bạn cũ” (điều này cũng cho thấy mối thâm giao giữa Nguyễn Cao và nhà sư Thích Thanh Cao), nhà sư liền nhờ viết bài văn quyên tiền và Nguyễn Cao cũng rất hào hứng với việc san khắc bộ sách. Có thể chính trong dịp này, Nguyễn Cao đã cùng nhà sư Thanh Cao bàn bạc chuyện san khắc ván in.

Nếu như trong bài “Bộ ván in pho sách *Lãn Ông tâm lĩnh* với giá trị văn hóa”, tác giả bài viết nhắc tới Nguyễn Cao

và đoán định bộ ván in ra đời có phần đóng góp công lao của ông<sup>8</sup> thì với sự xuất hiện tên Nguyễn Cao được ghi nhận rõ ràng ở quyển 29, chúng ta có thể xác quyết sự đóng góp của Nguyễn Cao đối với sự ra đời bộ ván in sách *TTHTYTLTT* trong vai trò người “hội khắc”, ngoài bài văn quyên tiền mà ông chấp bút hẳn thu hút nhiều người quyên góp.

\* Người viết chữ: Để có thể tiến hành khắc ván in sách, không thể thiếu công đoạn viết chữ. Như miêu tả của Henri Oger trong sách *Kỹ thuật của người An Nam*: “Một người giỏi thì pháp viết bản văn lên tờ giấy bản xù. Đây là loại giấy trong suốt, như ta đã biết. Các tờ giấy này sau đó được giao cho thợ khắc gỗ. Người thợ này dán chúng lên một tấm gỗ rất cứng gọi là gỗ thị. Loại gỗ cứng này không bị côn trùng làm hỏng. Nó rất ăn mực nên chữ in lên đó rất rõ nét, đẹp. Một ít dầu bôi trên tấm gỗ làm hiện ra các nét chữ chưa rõ. Đến đây, người thợ khắc bắt đầu công việc của mình: loại bỏ các phần trắng. Sau đó, bản khắc được giao cho thợ in...”<sup>9</sup>.

Tên người viết chữ được ghi nhận trong một vài quyển của bộ *TTHTYTLTT*, hầu hết đều là nhà sư. Như ở quyển Thủ, người viết chữ là sư ở Viện Thái Bảo (“Thái Bảo viện sa môn phụng thư” / 太保院沙門奉書), ở quyển 6 là sư chùa Hàm Long (“Hàm Long tự sa môn phụng thư” / 含龍寺沙門奉書), ở quyển 18 là đệ tử Viện Thái Bảo núi Lãm (“Lãm sơn Thái Bảo viện đệ tử phụng thư” / 覽山太保院弟子奉書), ở quyển 27 và quyển 43 là sư Thanh Nghĩa ở Giám viện Linh Sơn (“Linh Sơn Giám viện/tự bát sô giới pháp danh Thanh Nghĩa phụng thư” / 靈山監院/寺苾芻戒法名清義奉書), ở quyển 45 là



Quang Nghĩa (“Linh Sơn hậu học Quang Nghĩa kính tả” / 靈山後學光義敬寫). Các nhà sư tham gia viết chữ ở đây đều thuộc các chùa, viện ở Bắc Ninh.

Các công đoạn tiếp sau đó được thực hiện bởi những người thợ khắc và thợ in ván gỗ song họ không được nêu danh trong *TTHTYTTLTT*.

### 3. Những người đóng góp tiền của

Tên người đóng góp tiền của để khắc in bộ *TTHTYTTLTT* được ghi nhận ở 31 quyền (trong tổng số 55 quyền được khắc in), với hàng trăm lượt đóng góp. Hiếm có bộ sách nào thu hút và có được sự hỗ trợ kinh phí từ nhiều người thuộc nhiều thành phần trong xã hội đến như vậy.

#### 3.1. Thành phần những người đóng góp (và quyền góp)

Thành phần những người đóng góp và quyền góp để in bộ sách *TTHTYTTLTT* hết sức đa dạng, thuộc đủ tầng lớp trong xã hội từ quan chức trong bộ máy chính quyền (trung ương cũng như địa phương) tới Cử nhân, Tú tài, quan viên tử, lương y, sư chùa, các tổ chức (các hội, công ty, hiệu, đường...) và dân thường. Sự đa dạng trong thành phần người đóng góp còn thể hiện ở địa bàn (không chỉ riêng Bắc Ninh mà còn từ nhiều tỉnh khác như Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn), ở quốc tịch (không chỉ là người Việt, còn có cả người Thanh là những thương nhân Trung Quốc làm ăn buôn bán tại Việt Nam), ở giới tính (không chỉ đàn ông mà có cả phụ nữ) ... Trong các nhóm trên, quan lại trong bộ máy chính quyền các cấp chiếm số lượng lớn hơn cả.

Ngoài 2 đại thần triều đình là Nguyễn Tường, Hộ bộ Thượng thư sung Cơ mật viện (giúp 10 lượng bạc ròng) và Bùi Văn Dị, Hộ bộ Hữu Tham tri kiêm quản Đô sát viện sung Bắc Kỳ Kinh lược Phó sứ (giúp tiền 100 quan), còn có các quan đứng đầu các tỉnh Bắc Kỳ như Tổng đốc Bắc Ninh - Thái Nguyên Trương Đăng Đản (10 lượng bạc), Tổng đốc Hà Nội - Ninh Bình Trần Đình Túc (5 đồng bạc), Tổng đốc Nam Định - Hưng Yên Nguyễn Trọng Hợp (10 lượng bạc), Tuần phủ Thái Nguyên (cùng bản tỉnh giúp 100 quan tiền kẽm), Tuần phủ Hưng Yên (100 quan tiền kẽm), Tuần phủ cùng Án sát sứ Lạng Sơn (15 đồng bạc hoa xòe), Bố chánh sứ Phạm Nguật, Án sát sứ Nghiêm Xuân Phương tỉnh Cao Bằng (14 đồng bạc), Bố chánh sứ Hải Dương (30 quan), Án sát sứ Hải Dương (20 quan), Án sát sứ tỉnh Hưng Yên (30 quan tiền kẽm), quyền Án sát sứ Bắc Ninh (5 đồng bạc), Lãnh Án sát sứ tỉnh Thái Nguyên Triệu Đức Vọng (5 đồng bạc Tây). Và rất nhiều viên chức khác trong bộ máy chính quyền tại các tỉnh, huyện (như Thông phán, Kinh lịch, Bang biện tỉnh vụ, Tri phủ, Tri huyện, Huyện doãn, Lãnh binh, Giáo thụ, Huấn đạo, Lại mục, Thư lại, Thông lại, Đề lại, Lễ sinh, Hiệp quản, Chủ thủ, Giám lâm) cũng như chức sắc, hương hào tại các tổng xã tham gia đóng góp tiền, của đều được phương danh.

Xét về địa phương thì Bắc Ninh là địa phương có số người đóng góp nhiều nhất, từ quan chức tỉnh, huyện tới chức sắc, hương hào, dân thường ở các tổng xã. Ngoài Tổng đốc Bắc Ninh Trương Đăng Đản đóng góp 10 lượng bạc (được ghi nhận ngay từ quyền Thủ), các quan đầu tỉnh Bắc Ninh còn có hai lần đóng góp

chung với 300 quan mỗi lần (được ghi nhận ở quyển 26 và quyển 29). Và nếu như trong số 16 Tri phủ tham gia đóng góp có 7 vị quan Tri phủ thuộc Bắc Ninh thì ở cấp huyện, trong số 19 Tri huyện (và nguyên Tri huyện) tham gia đóng góp, có tới 15 vị thuộc Bắc Ninh (đặc biệt, Tri phủ phủ Đa Phúc là Nghiêm Xuân Phương đã đóng góp và khuyến thị dân trong hạt đóng góp được 355 quan). Người dân Bắc Ninh cũng tham gia rất tích cực. Ngay ở quyển đầu tiên của bộ sách Hải Thượng, đóng góp của một số nhà sư ở các chùa Bắc Ninh đã được ghi nhận như sư Thanh Nhương ở chùa xã Y Na (tổng Đỗ Xá, huyện Võ Giàng), sư Thanh Đĩnh ở chùa xã Vạn Tư (tổng Vạn Tư, huyện Gia Bình), sư Quang Nhạc chùa xã Phấn Trì (tổng Phúc Tăng, huyện Yên Dũng) với số tiền đóng góp từ 10 quan tới 20 quan mỗi người hay sư chùa cùng Lý trưởng ở xã Mai Đường [tổng Quang Biểu, huyện Việt Yên] (ghi nhận trong quyển 31). Riêng xã Đại Tráng, danh sách sắc mục, kỳ lão, lý dịch cùng nhân dân bản xã đóng góp được ghi tập trung nhất trong quyển 27 (gồm 33 người với số tiền đóng góp mỗi người từ 1 quan tới 15 quan). Việc Bắc Ninh có nhiều người đóng góp tiền của để khắc in bộ sách của Hải Thượng cũng hoàn toàn dễ hiểu vì hoạt động khắc in được tổ chức tại địa phương này.

### 3.2. Tiền bạc và vật chất đóng góp

Hình thức đóng góp của quan lại, nhân dân Bắc Ninh cũng như các địa phương khác để khắc in bộ sách của Hải

Thượng chủ yếu là tiền bạc. Bên cạnh đó cũng có một vài đóng góp bằng hiện vật, đều là những đồ hết sức thiết thực (gỗ, giấy, thóc), như nha môn Động Hỷ (Thái Nguyên) góp 7 đoạn gỗ thị (để khắc ván in), Tri huyện huyện Yên Dũng, Lý trưởng xã Quảng Phúc (tổng Đa Mai huyện Yên Dũng) mỗi người góp 1 cây gỗ thị, Hiệp quản xã Yên Sơn huyện Phượng Nhãn phủ Lạng Giang góp 3 cây gỗ thị. Hay nguyên Bách hộ Nguyễn Văn Chuyên ở xã Đại Tráng ngoài 100 quan còn góp 10 thúng thóc, Tú tài Thạch Dụ Thành người Minh Hương ngoài 5 quan còn góp 300 tờ giấy...

Về tiền, bạc đóng góp : ngoài một số cá nhân đóng góp bạc, hình thức đóng góp bằng tiền là phổ biến, với *quan* 貫 và *ngân nguyên* 銀元 là các đơn vị tiền tệ lưu hành lúc bấy giờ<sup>10</sup>. Tổng giá trị các đóng góp (với các đơn vị tiền tệ khác nhau) được thống kê như sau:

#### ① Bạc

Số người đóng góp bạc được ghi nhận có 16 người, hầu hết là quan lại triều đình (Thượng thư Bộ Hộ Nguyễn Tường và các quan các tỉnh Bắc Ninh, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương). Số bạc đóng góp gồm bạc ròng (tức bạc tinh chất) và bạc thông thường với tổng số lần lượt là 3 thoi và 40 lượng và 1 thoi và 77 lượng. Đáng lưu ý, số bạc (lượng) do tỉnh Nam Định góp và quyền góp khá lớn (30 trong số 40 lượng bạc ròng và 45 trong số 77 lượng bạc, xin xem thêm bảng dưới).

**Bảng thống kê số bạc và bạc ròng được quyền góp  
để khắc in bộ sách THTYTTTLTT**

|                         | Tên người đóng góp                                             | Số lượng   |           |
|-------------------------|----------------------------------------------------------------|------------|-----------|
|                         |                                                                | Hốt (thoi) | Lượng     |
| <b>Bạc ròng</b>         | Nguyễn Tường, Hộ bộ Thượng thư                                 |            | 10        |
|                         | Phạm Ngô Bật (ty An sát Bắc Ninh)                              | 1          |           |
|                         | Nguyễn Như Thân, Tri huyện huyện Lục Ngạn                      | 1          |           |
|                         | Nguyễn Đức Phương, Trương huyện (xã Can Vũ)                    | 1          |           |
|                         | Đinh Nhật Tân, Tri huyện huyện Nam Chân (đề trợ và khuyến thị) |            | 30        |
| <b>Tổng số bạc ròng</b> |                                                                | <b>3</b>   | <b>40</b> |
| <b>Bạc</b>              | Trương Đăng Đản, Tổng đốc Bắc Ninh-Thái Nguyên                 |            | 10        |
|                         | Nguyễn Ngọc Chấn (ty An sát Bắc Ninh)                          |            | 10        |
|                         | Nguyễn Trọng Hợp, Tổng đốc Nam Định-Hưng Yên                   |            | 10        |
|                         | Nguyễn Giáp, Tri phủ phủ Thái Bình                             | 1          |           |
|                         | Lê Thám, Tri phủ phủ Xuân Trường (quê tỉnh Quảng Trị)          |            | 2         |
|                         | Lê Cơ, Đồng Tri phủ phủ Vụ Bản Tri huyện                       |            | 10        |
|                         | Ngô Xuân Định, Nam Định tỉnh Thương giám Giám quan             |            | 10        |
|                         | Nam Định tỉnh Thương giám Chủ điền                             |            | 10        |
|                         | Tri phủ phủ Nam Sách (Nghiêm)                                  |            | 10        |
|                         | Ngô Đức, Ngự sử tỉnh Hà Nội                                    |            | 2         |
|                         | Bách hộ Nguyễn Văn Lập xã Gia Hòa (Nam Chân, Nam Định)         |            | 3         |
| <b>Tổng số bạc</b>      |                                                                | <b>1</b>   | <b>77</b> |

## ② Tiền

Số tiền đóng góp chủ yếu là theo đơn vị tiền tệ *quan* 貫 và *ngân nguyên* 銀元. Quan là một đơn vị tiền tệ truyền thống ở Việt Nam và được triều đình nhà Nguyễn sử dụng nên hình thức đóng góp theo đơn vị tiền tệ này phổ biến nhất, với 4.332 quan 8 mạch. Bên cạnh số đóng góp bằng tiền đồng, còn có một số đóng góp bằng tiền kẽm<sup>11</sup> (tổng là 650 quan).

Ngân nguyên (hay nguyên, thông dụng gọi là đồng hoặc đồng bạc) là một đơn vị tiền tệ của hệ thống đồng bạc Đông Dương<sup>12</sup>, phát hành bởi chính quyền thuộc địa (Ngân hàng Đông Dương). Số tiền đóng góp theo đơn vị tiền tệ này là 58 ngân nguyên (đồng).

Về tỷ giá giữa quan và ngân nguyên, theo *Đại Nam điển lệ toát yếu tân biên* 大南典例撮要新編 (khắc in năm Duy Tân Kỷ Dậu [1909]) thì vào thời điểm năm Thành Thái thứ 11 (1899), 10 quan tương đương với 1 đồng 6 hào 7 xu, tức có nghĩa 1 đồng lớn gấp hơn 10 lần 1 quan. Và như vậy, 58 ngân nguyên lúc bấy giờ tương đương khoảng 600 quan.

Ngoài ngân nguyên, vài đóng góp được ghi nhận với các đơn vị tiền tệ là *hoa ngân nguyên* 花銀元, *Dương ngân nguyên* 洋銀元 và *tiểu ngân nguyên* 小銀元. Cụ thể, tổng số hoa ngân (đồng bạc hoa xòe<sup>13</sup>) là 23 đồng, Dương ngân<sup>14</sup> là 5 đồng và tiểu ngân<sup>15</sup> là 1 đồng.

Nói tóm lại, để giúp việc khắc in bộ sách của Hải Thượng, quan chức cũng như người dân các tỉnh đã đóng góp và quyên góp được 4 thoi bạc (trong đó có 3 thoi bạc rỗng), 117 lượng bạc (trong đó có 40 lượng là bạc rỗng), và gần 5.000 quan tiền (trong đó tiền đồng là 4.332 quan 8 mạch và tiền kẽm là 650 quan), 58 đồng bạc Đông Dương, 23 đồng bạc hoa xòe. Không rõ số bạc, tiền này có đủ chi trả cho việc mua vật liệu và công thợ hay không<sup>16</sup> nhưng nó cho thấy việc làm của nhà sư Thanh Cao được rất nhiều người ủng hộ. Như trên đã đề cập, quá trình khắc in bộ sách kéo dài trong 6 năm, việc quyên góp tiền bạc do đó cũng không thể diễn ra trong chốc lát. Mà thời gian các năm 1882, 1883, tình hình chính trị, xã hội ở các tỉnh Bắc Kỳ không mấy yên ổn do cuộc xâm chiếm Bắc Kỳ của người Pháp, rồi các cuộc tấn công của giặc Cờ Đen... Dẫu vậy, quan chức và nhân dân các tỉnh Bắc Kỳ vẫn tích cực đóng góp với hàng trăm lượt để khắc in bộ sách của Hải Thượng.

#### **4. THTYTTLLT và điều kiện in ấn, xuất bản sách ở Việt Nam trước 1945**

Đặt trong điều kiện in ấn, xuất bản sách ở Việt Nam trước 1945, có thể nói, sự ra đời của THTYTTLLT là một điều đặc biệt. Bởi xét về đặc trưng, thư tịch Hán Nôm nói chung còn tồn tại tới ngày nay phần lớn đều là sách chép tay, và tình hình càng đúng hơn với thư tịch y dược. Số lượng các bộ y thư Hán Nôm được khắc in chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay. Thế kỷ XVII, *Bảo sinh diên thọ toản yếu* 寶生延壽纂要 được biên soạn năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676) theo lệnh của chúa Trịnh Căn. Vốn được in mộc bản nhưng

hiện sách này chỉ còn bản chép tay<sup>17</sup>. Thế kỷ XVIII, cuốn y thư được khắc in là *Nam dược thần hiệu* 南藥神效 (còn có tên *Hồng nghĩa giác tư y thư*) song trước THTYTTLLT chưa từng có bộ y thư Hán Nôm nào tương đối đồ sộ được khắc in. Điều này ít nhiều có liên quan tới nghề in và hoạt động in ấn ở nước ta thời xưa.

Hoạt động in ấn (mộc bản) ở Việt Nam xưa chủ yếu diễn ra ở 3 khu vực: khu vực do nhà nước tổ chức, khu vực của các chùa, quán và khu vực của tư nhân, do đặc trưng việc khắc in (chữ Hán, Nôm) rất phức tạp và chi phí tốn kém. “Duy chỉ có các tập đoàn, các phường hội, nhà nước mới có khả năng thực hiện việc in ấn. Nếu các tư nhân làm được thì cũng phải là những người có thế lực, làm quan hoặc giàu có”<sup>18</sup>. Nhìn lại kho tàng thư tịch Hán Nôm của Việt Nam, có thể dễ dàng nhận ra mảng sách do nhà nước ấn hành chủ yếu là các bộ sử của vương triều, các kinh điển Nho gia phục vụ giáo dục khoa cử, hay thơ văn của vua chúa. Còn ấn phẩm của các chùa, quán hầu hết là các cuốn kinh Phật, các sách Đạo giáo phục vụ mục đích tôn giáo. Trường hợp tư nhân tổ chức khắc in sách, ngoài các “hiệu”, “đường”, “đàn” nở rộ ở nửa cuối thế kỷ XIX với nhiều thể loại được in ấn (văn chương, y học...) nhằm mục đích kinh doanh thì thế kỷ trước cũng đã ghi nhận một số cá nhân (nhà trí thức, người làm quan) tự bỏ tiền khắc in sách. Chẳng hạn dòng họ Nguyễn Huy ở làng Trường Lưu xã Lai Thạch, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh in ấn kinh điển Nho gia để phục vụ cho trường học của dòng họ song trường hợp như dòng họ Nguyễn Huy thực sự không nhiều<sup>19</sup>. Mà khoảng thời gian dòng

họ Nguyễn Huy tổ chức khắc in mộc bản là từ năm 1758 tới năm 1788. Khoảng thời gian này, Hải Thượng Lãn Ông chủ yếu ở Hương Sơn nên hẳn ông không thể không biết sự kiện này của huyện bên. Và có thể chính sự kiện này góp phần khiến ông thêm áp ủ tâm nguyện khắc in bộ sách của mình.

*THTYTLTT* ra đời sau khi Hải Thượng tạ thế gần một thế kỷ. Dẫu muộn nhưng tâm nguyện của Hải Thượng rốt cục cũng đã được thực hiện. Cần nhắc lại là, bộ sách của Hải Thượng không chỉ gồm vài quyển mà là vài chục quyển (chưa có bộ y thư nào do người Việt Nam soạn có quy mô lớn như vậy). Để bộ ván in *THTYTLTT* có thể hoàn thành (trong thời gian 6 năm) hẳn kinh phí phải rất lớn bởi ngoài chi phí mua gỗ để khắc chữ (loại gỗ chuyên dụng), mua giấy dó để in (55 quyển), còn khoản tiền chi trả công thợ khắc chữ, một công việc đòi hỏi kỹ thuật, sự tỷ mỉ cẩn trọng. Từng tổ chức khắc in kinh Phật<sup>20</sup>, nhà sư Thanh Cao chắc hẳn có những kinh nghiệm về việc san khắc cũng như chuyện kinh phí. Chùa chiền là nơi tín thí thập phương thường xuyên lui tới cúng Phật cầu phúc, mỗi khi nhà chùa san khắc kinh Phật ấn tống hay làm việc thiện, Phật tử ít nhiều đều phát tâm công đức nhưng để có đủ kinh phí khắc in bộ sách của Hải Thượng với 55 quyển thì hẳn không đơn giản. Nhờ một nhân vật có uy tín viết bài văn quyên tiền rồi nhờ các vị thân hào giúp việc quyên góp, việc làm của nhà sư Thanh Cao đã đem lại kết quả là hàng trăm lượt đóng góp đã được ghi nhận. Công sức cũng như đóng góp tiền bạc của hàng trăm người thuộc nhiều tầng lớp xã hội đã giúp cho

bản khắc in bộ sách của Hải Thượng ra đời. Và điều này làm nên nét đặc biệt của *THTYTLTT*.

Bản in bộ sách *THTYTLTT* chúng ta có trong tay ngày nay là kết quả công sức, đóng góp của rất nhiều người, đặc biệt là Vũ Xuân Hiên và nhà sư Thanh Cao. Là người khởi công sưu tầm bản thảo tác phẩm của Hải Thượng, Vũ Xuân Hiên đã dành hơn 10 năm sưu tầm bản thảo, rồi “đối chiếu, đính chính, khảo cứu, biên chép lại thành sách”. Bên cạnh Vũ Xuân Hiên, còn có Vũ Hạo Khí (Hiên) ở Hải Dương và Vũ Tam An/Yên ở Hưng Yên cũng tham gia vào việc biên chép khảo đính bản thảo tác phẩm của Hải Thượng.

Nếu đóng góp lớn của Vũ Xuân Hiên là sưu tầm, khảo đính bản thảo thì đóng góp không kém phần quan trọng của nhà sư Thích Thanh Cao thể hiện qua việc tổ chức quyên góp và tổ chức khắc in, kiểm tra bản khắc. Trong các hoạt động này, nhà sư Thích Thanh Cao đều nhận được sự tán trợ từ Nguyễn Cao, một sỹ phu yêu nước người Bắc Ninh cũng như sự khuyến khích, ủng hộ của các thân hào, các nhà nho, y trong vùng. Các nhà sư ở một số chùa, viện thuộc Bắc Ninh cũng tham gia công đoạn viết chữ.

Bộ sách *THTYTLTT* được khắc in, lưu hành, còn phải kể tới những đóng góp tiền bạc, của cải của hàng trăm người, từ quan lại tới hương hào sắc mục, thương nhân, dân thường ở nhiều địa phương.

Trong bối cảnh y học, y tế nói chung không được chính quyền nhà Nguyễn quan tâm nhiều (chưa từng có cuốn y thư nào được triều đình nhà Nguyễn tổ chức khắc in), nhờ sự chung sức hợp lực của

nhiều người thuộc các tầng lớp trong xã hội lúc bấy giờ (trước hết là công sức của nhà Nho Vũ Xuân Hiên và nhà sư Thanh Cao), bộ ván in *TTHTYTTLTT* mới có thể ra đời, tác phẩm của Hải Thượng nhờ đó được tập hợp, phổ biến rộng rãi hơn và lưu truyền tới cho chúng ta ngày nay (dẫu so với nguyên cáo vẫn thiếu 11 quyển do thất lạc chưa tìm được). Tuy nhiên, danh tính những người tham gia vào việc sưu tầm, khảo đính bản thảo, san khắc *TTHTYTTLTT* cũng như những người công đức tiền của để ấn hành bộ sách được ghi nhận ở một số quyển của *TTHTYTTLTT* hầu hết bị lược bỏ trong các bản dịch. Thiết nghĩ, điều này nên được bổ sung khi bản dịch *TTHTYTTLTT* được tái bản. Đồng thời cũng cần tìm hiểu về một số nhân vật tham gia vào việc sưu tầm, khảo đính bản thảo, viết chữ để san khắc *TTHTYTTLTT* mà chúng ta hiện còn biết quá ít về họ (như Vũ Xuân Hiên, Vũ Tam An/Yên, các sư ở một số chùa, viện ở Bắc Ninh lúc bấy giờ). Bởi không chỉ giúp hiểu đầy đủ hơn về sự ra đời bản khắc in bộ sách của Hải Thượng, đây cũng là một cách biểu hiện lòng tri ân đối với các thế hệ tiền nhân đã góp công sức, tiền của để phổ biến và truyền lại cho chúng ta bộ y thư Hán Nôm đồ sộ nhất của Việt Nam./.\*

**N.T.D**

\*Bài viết được dựa trên cơ sở một chuyên đề thuộc dự án “Khảo sát, sưu tầm, tổng hợp, hiệu đính hiện trạng bộ sách *Hải Thượng Y tông tâm lĩnh*” do Cục Quản lý Y dược cổ truyền (Bộ Y tế) quản lý, Nguyễn Thị Dương chủ nhiệm và hoàn thành năm 2024. Chuyên đề này đã có sự chỉnh sửa, bổ sung.

### Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Về chữ 鐫, *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu đọc âm “tuyên”, còn *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh thì đọc âm “thuyền”.

2. *Thượng kinh ký sự* (bản dịch của Thiên Lý Nguyễn Di Luân), Duy Minh thư xã, Hà Nội, 1945, tr.22. Nguyên văn chữ Hán như sau: “余橫心困慮於醫道三十年來便集成心領一帙不感私自傳授欲公于世奈力單功重難以自掩者鬼神誠感此行必有構會處未可知也”(上京記事 tờ 4b).

3. *Tự Khuê thư viện tổng mục* 聚奎書院總目 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, A.111, các tờ 21a, 51b, 77b) (“nguyên thủ thập lục bản” 原守拾陸本).

4. Có thể kể tới các nghiên cứu của Bùi Thị Vòng (2018), *Nghiên cứu văn bản tác phẩm Như tây nhật kí của Thiền sư Thanh Cao*, luận văn Thạc sỹ ngành Hán Nôm, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam; Bùi Thị Vòng (2021), “Tìm hiểu về thân thế của Thiền sư Thanh Cao qua tư liệu Hán Nôm chùa Đồng Nhân và chùa Đại Tráng thành phố Bắc Ninh”, *Nhân lực khoa học xã hội*, số 9-2021; Nguyễn Quang Khải (2015), “Tìm hiểu một số đặc điểm ở chùa Đồng Nhân”, *Bắc Ninh xưa và nay* (<https://baobacninh.com.vn/news/-/details/20182/tim-hieu-mot-so-ac-iem-o-chua-ong-nhan>. Tham khảo ngày 7/12/2024); Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên, 2024), *Từ điển tác gia Hán Nôm Việt Nam*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.573.

5. Nguyễn Quang Khải, “Tìm hiểu một số đặc điểm ở chùa Đồng Nhân”, <https://baobacninh.com.vn/web/bbn/news/-/details/20182/tim-hieu-mot-so-ac-iem-o-chua-ong-nhan> (truy cập ngày 7/12/2024).

6. Giải nguyên: thứ bậc cao nhất trong kỳ thi Hương (quy mô liên tỉnh).

7. Xin xem: Trịnh Nhu - Phan Văn Các (1986), “Bài Tự thuật của Nguyễn Cao, một tư liệu lịch sử có giá trị”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 5.

8. Nguyễn Văn Phong (1997), “Bộ ván in pho sách *Lân Ông tâm linh* với giá trị văn hóa”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1996*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Henri Oger, *Technique du peuple Annamite* (Kỹ thuật của người An Nam, 1909), Chủ biên: Olivier Tessier & Philippe Le Failer, Thư viện Khoa học tổng hợp Tp. HCM, NXB. Thế Giới, Công ty Nhã Nam tái bản năm 2009, tr.232.

10. Hệ thống tiền tệ dưới triều Nguyễn, đặc biệt là giai đoạn Pháp thuộc rất phức tạp. Bên cạnh hệ thống tiền tệ truyền thống của Việt Nam mà triều đình nhà Nguyễn sử dụng (với các đơn vị *quan* 貫, *mạch* 陌, *văn* 文) còn tồn tại các đơn vị *nguyên* 元, *mao* 毛, *tiên* 仙 (đồng, hào, xu) của hệ thống đồng bạc Đông Dương, phát hành bởi chính quyền thuộc địa (Ngân hàng Đông Dương).

11. Dưới triều Nguyễn, giá trị tiền đồng luôn lớn hơn tiền kẽm. Đặc biệt từ triều vua từ Đồng Khánh trở đi, cách biệt giữa hai đồng tiền càng lớn, chẳng hạn vào năm 1920 (dưới triều vua Khải Định), “1 đồng tiền đồng ăn 6 đồng tiền kẽm” (*Đại Nam thực lục chính biên-Đệ thất kỷ*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, NXB. Văn hóa - Văn nghệ Tp. HCM, 2012, tr.345, 346).

12. Đồng bạc Đông Dương (tiếng Pháp là *piastre*, được dịch sang chữ Hán là *nguyên* 元).

13. Trước khi đồng bạc Đông Dương được phát hành ở các xứ thuộc địa của Pháp thì tại Việt Nam và các nước trong khu vực đã lưu hành đồng bạc Mê Hi Cô (Mexicana, còn gọi đồng hoa xòe, đồng con cò hay đồng con ó). Đồng con cò bằng giá với một quan tiền cổ truyền.

14. *Dương ngân* 洋銀 (có nghĩa là tiền Tây dương), ở đây có lẽ chỉ đồng tiền của Pháp (tức đồng franc).

15. *Tiểu ngân* 小銀 : hiện chúng tôi chưa tra cứu được đơn vị tiền tệ này, chờ tìm hiểu thêm.

16. Như đã đề cập ở chú thích số 9, hệ thống tiền tệ triều Nguyễn, đặc biệt là giai đoạn Pháp thuộc rất phức tạp nên ở đây chúng tôi chỉ nói sơ lược về các đơn vị tiền tệ xuất hiện trong danh sách quyền góp và đưa ra các con số thống kê. Để có thể đánh giá được số tiền bạc được quyền góp có đủ chi trả cho việc khắc ván in bộ sách của Hải Thượng hay không thì cần phải tìm hiểu thêm về tình hình kinh tế thời Nguyễn cũng như về nghề khắc ván in sách.

17. Xin xem Trần Văn Giáp (1970), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Tập I, Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội, 1970, tr. 403 và Lê Trần Đức (1979), “Báo cáo về hiện trạng sách thuốc cổ truyền Việt Nam” trong *Thư tịch cổ và nhiệm vụ mới*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.138.

18. Mai Hồng, Nguyễn Hữu Mùi (1986), “Tìm hiểu nghề in của ta qua kho sách Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm* số 1.

19. Cũng cần nói thêm, những tấm ván khắc in các kinh điển Nho gia của dòng họ Nguyễn Huy ở Trường Lưu (còn gọi là mộc bản Trường Lưu) được biên soạn bởi 5 danh nhân văn hóa dòng họ Nguyễn Huy trong đó 4 người đều tham gia giảng dạy tại Quốc Tử Giám (Phương Thúy, “Mộc bản Trường Lưu, di sản góp phần tạo nên diện mạo văn hiến xứ Nghệ”, <https://vovworld.vn/vi-VN/viet-nam-dat-nuoc-con-nguoi/moc-ban-truong-luu-di-san-gop-phan-tao-nen-dien-mao-van-hien-xu-nghe-371942.vov>. Tham khảo ngày 7/12/2024).

20. Nguyễn Quang Khải (2016), “Công đức của một số vị thiền sư tiêu biểu đối với việc khắc ván, in kinh sách ở Bắc Ninh thế kỷ XVIII-XIX”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học* số 3/2016 (<https://phatgiai.org.vn/cong-duc-cua-mot-so-vi-thien-su-tieu-bieu-doi-voi-viec-khac-van-in-kinh-sach-o-bac-ninh-the-ky-xviii-xix-d22407.html>). Tham khảo ngày 7/12/2024).